

Bản án số: 122/2024/DS - ST
Ngày: 23 - 9 - 2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Ông Giang Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký **Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất**, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất không tham gia.

Ngày 23 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: **Số A phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T.** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hoàng T1.** Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng xử lý nợ theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHKL ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc **Ngân hàng C** (có mặt).

Bị đơn: Ông **Lưu Văn T2**, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thị T3, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

- Anh Lưu Kim N, sinh năm: 1999 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2022, bản tự khai và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng T1 trình bày:

Ngày 15/12/2017, ông Lưu Văn T2 được Phòng giao dịch huyện H cho vay chương trình học sinh, sinh viên với số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm, mục đích vay vốn cho học sinh, sinh viên. Quá trình vay, ông T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.530.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán Ngân hàng đã đến thông báo cho ông Lưu Văn T2 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc khoản nợ vay đã đến hạn thanh toán; đồng thời, đề nghị thanh toán tiền vay nhưng ông T2, bà T3 và anh N không thanh toán cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lưu Văn T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị T3 và anh Lưu Kim N phải trả tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 cho Ngân hàng gốc là 11.470.000 đồng, đồng thời yêu cầu trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Bị đơn ông Lưu Văn T2 có ý kiến trình bày:

Ông T2 thừa nhận có vay Ngân hàng theo chương trình học sinh, sinh viên với số tiền vốn vay gốc 15.000.000 đồng và thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền 11.470.000 đồng và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền này. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn nên Ngân hàng cho trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị T3 và anh Lưu Kim N:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án và quyết định hoãn phiên tòa) trực tiếp cho người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Thị T3**, anh **Lưu Kim N** nhưng bà **T3**, anh **N** không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn ông **Lưu Văn T2** đồng ý trả nợ cho Ngân hàng số tiền 11.470.000 đồng và xin trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* **Ngân hàng C** với ông **Lưu Văn T2** có thoả thuận ký hợp đồng tín dụng vay tiền với mục đích làm chi phí học tập cho học sinh, sinh viên. Quá trình vay vốn, khi đến hạn thanh toán nhưng ông **T2** không thanh toán tiền vay cho Ngân hàng nên **Ngân hàng C1** yêu cầu ông **Lưu Văn T2**, bà **Thị T3** và anh **Lưu Kim N** phải trả tiền vay nên quan hệ pháp luật được xác định là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và bị đơn có nơi cư trú tại **thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Thị T3** và anh **Lưu Kim N** không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Bà **Thị T3** và anh **Lưu Kim N** đã được Tòa án tổng đạt lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà **Thị T3** và anh **Lưu Kim N**.

[3]. *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau:

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của **Ngân hàng C** là ông **Trần Hoàng T1** yêu cầu ông **T2** cùng bà **Thị T3**, anh **Lưu Kim N** phải cùng liên đới trả cho **Ngân hàng C1** số tiền tạm tính đến hết ngày 23/9/2024 là 11.470.000 đồng; đồng thời, yêu cầu ông **T2** cùng bà **T3**, anh **N** phải trả lãi cho **Ngân hàng C** theo

giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 04/12/2017 từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 04/12/2017 và tại phiên toà **Ngân hàng C** và ông **Lưu Văn T2** thống nhất xác định: Ngân hàng đã giải ngân cho ông **Lưu Văn T2**, bà **Thị Thanh S** tiền vay là 15.000.000 đồng, ông **T2** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.530.000 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay đến ngày 23/9/2024 là 11.470.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 24/9/2024 theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 04/12/2017.

Tại phiên toà, ông **T2** xác định vợ chồng ông vay vốn theo chương trình học sinh, sinh viên cho con ông là **Lưu Kim N** đi học. Nay đến hạn thanh toán Ngân hàng yêu cầu trả tiền vay ông cũng đồng ý trả số tiền vay theo yêu cầu của **Ngân hàng C**. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4]. Tại phiên toà, ông **T2** xin được trả dần hàng tháng là 500.000 đồng gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay cho đến thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Phương án trả nợ này của ông **T2** không được đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng đồng ý. Đồng thời, theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - **Bộ T4** quy định “...*Tòa án không tự ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành...*”. Vì vậy, yêu cầu này của ông **T2** là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 467, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông **Lưu Văn T2**.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Lưu Văn T2**; đồng thời, buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Thị T3** và anh **Lưu Kim N** phải có trách nhiệm liên đới cùng ông **Lưu Văn T2** trả cho **Ngân hàng C** với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 23/9/2024 là 11.470.000 đồng (*bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/12/2017 mà hai bên đã ký kết; thời gian tính lãi tiếp từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông **Lưu Văn T2**, bà **Thị T3** và anh **Lưu Kim N** phải cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 573.500 đồng (*bằng chữ: Năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/9/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh